

◆ KIẾN THỨC BỔ TRỢ ◆



bàba Bǒ

爸爸

gēge
Anh trai

哥哥



妈妈

māma
Mẹ



jiějie Chị gái

姐姐



dìdi Em trai

弟弟



Mèimei Em gái



妹妹

Sắp xếp câu

1. 那/你/是/老师/的/吗/?

2. 你/这个学校/是/学生/的/吗/?

3. 知道/你/图书馆/在/哪儿/吗/?

4. 我/知道/不/他/名字/的/。

5. 妈妈/你/哪儿/在/呢/?

